

Số: 08 /2026/QĐ-UBND

Tân Phú, ngày 01 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn phường Tân Phú

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 97/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 61/2023/NĐ-CP của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2026/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai Quyết định các biện pháp đảm bảo thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Tân Phú Quyết định các biện pháp đảm bảo thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn phường Tân Phú;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội phường.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn phường Tân Phú.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn phường Tân Phú.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2026.
- Các Quyết định sau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, bao gồm:

a) Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Phú ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (cũ).

b) Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Phú Xuân ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã Phú Xuân (cũ).

c) Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Phú Thanh ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã Phú Thanh (cũ); Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Phú Thanh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Phú Thanh ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở xã Phú Thanh (cũ).

d) Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Phú Lộc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở xã Phú Lộc, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (cũ).

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Yêu*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND thành phố Đồng Nai;
- Sở Nội vụ; Sở Tư pháp thành phố;
- Công báo điện tử thành phố;
- Thường trực Đảng ủy phường;
- Thường trực HĐND phường;
- Chủ tịch, các PCT. UBND phường;
- Thường trực UB. MTTQVN phường;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc phường;
- Các tổ chức chính trị - xã hội;
- Các khu phố trên địa bàn phường;
- Trang thông tin điện tử phường;
- Lưu: VT, VHXX, Thông (42 bản). *Khuy*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Nhật Hồng
Nguyễn Nhật Hồng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quy chế
Thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn phường Tân Phú
(Ban hành kèm theo Quyết định số 08 /2026/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nội dung, cách thức thực hiện dân chủ, quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện dân chủ và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm thực hiện dân chủ ở phường Tân Phú.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Bảo đảm quyền của công dân, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được biết, tham gia ý kiến, quyết định và kiểm tra, giám sát việc thực hiện dân chủ ở phường Tân Phú.

2. Bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy, quản lý của chính quyền địa phương phường Tân Phú, vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện dân chủ ở phường Tân Phú.

3. Thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của pháp luật; bảo đảm trật tự, kỷ cương, không cản trở hoạt động của chính quyền địa phương. Bảo vệ lợi ích của chính quyền, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Bảo đảm công khai, minh bạch, tăng cường trách nhiệm giải trình trong quá trình thực hiện dân chủ ở cơ sở. Tôn trọng ý kiến đóng góp của công dân, kịp thời giải quyết kiến nghị, phản ánh của Nhân dân.

Chương II
THỰC HIỆN DÂN CHỦ VỚI NHÂN DÂN

Mục 1
CÔNG KHAI THÔNG TIN

Điều 3. Những nội dung phải công khai

Những nội dung phải công khai thực hiện theo quy định tại Điều 11, Mục 1 Chương II Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể:

1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phương án cơ cấu kinh tế hằng năm.

2. Số liệu, báo cáo thuyết minh, dự toán trình và được Hội đồng nhân dân quyết định; việc thực hiện dự toán ngân sách định kỳ (quý, 06 tháng, hằng năm); quyết toán ngân sách và kết quả thực hiện tài chính khác đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn; kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước (nếu có).

3. Dự án, công trình đầu tư trên địa bàn và tiến độ thực hiện; kế hoạch thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án, công trình; kế hoạch quản lý, sử dụng đất do phường quản lý; kế hoạch cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của phường; quy hoạch xây dựng vùng, xây dựng phường và điểm dân cư nông thôn; các quy hoạch, đồ án quy hoạch chi tiết được lập cho các khu vực thuộc phạm vi.

4. Quy chế thực hiện dân chủ; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách ở khu phố; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn của chính quyền phường;

5. Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án; các khoản huy động Nhân dân đóng góp;

6. Tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê, sử dụng, thu hồi, điều chuyển... và hình thức xử lý khác đối với tài sản công; tình hình khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công của địa phương;

7. Chủ trương, chính sách, kế hoạch, tiêu chí, đối tượng, quy trình bình xét và kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ, trợ cấp, tín dụng để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, phát triển sản xuất, hỗ trợ xây dựng nhà ở, cấp thẻ bảo hiểm y tế và các chính sách an sinh xã hội khác được triển khai trên địa bàn;

8. Thông tin về phạm vi, đối tượng, cách thức bình xét, xác định đối tượng, mức hỗ trợ, thời gian, thủ tục thực hiện phân phối các khoản hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để khắc phục khó khăn (do thiên tai, dịch bệnh, sự cố, thảm họa hoặc để hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo); việc quản lý, sử dụng các nguồn đóng góp, quyên góp tự nguyện trên địa bàn;

9. Thông tin liên quan đến việc gọi nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia công an nhân dân (số lượng, đối tượng, tiêu chuẩn; danh sách công dân đủ điều kiện nhập ngũ; tạm hoãn gọi nhập ngũ, miễn gọi nhập ngũ);

10. Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tham nhũng, tiêu cực, vi phạm kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách ở khu phố; kết quả lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm chức danh chủ chốt chính quyền phường (Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Trưởng ban của Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân).

11. Kế hoạch lấy ý kiến, nội dung lấy ý kiến, kết quả tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến đối với những nội dung chính quyền phường đưa ra lấy ý

kiến Nhân dân theo quy định (tại Điều 25 Luật Thực hiện dân chủ);

12. Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do chính quyền phường trực tiếp thu;

13. Các thủ tục hành chính, thủ tục giải quyết công việc liên quan đến tổ chức, cá nhân do chính quyền phường trực tiếp thực hiện;

14. Nội dung khác theo quy định của pháp luật và quy chế thực hiện dân chủ ở phường.

Điều 4. Hình thức, thời điểm và lựa chọn hình thức và trách nhiệm công khai thông tin

Hình thức, thời điểm và lựa chọn hình thức và trách nhiệm công khai thông tin thực hiện theo quy định tại Điều 12, Điều 13, Điều 14 Mục 1, Chương II, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể:

1. Hình thức công khai

a) Niêm yết thông tin;

b) Đăng tải trên Trang thông tin điện tử của phường;

c) Phát tin trên hệ thống truyền thanh phường;

d) Thông qua Trường khu phố để thông báo đến công dân;

đ) Gửi văn bản đến công dân;

e) Thông qua hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân với Nhân dân;

g) Thông qua việc tiếp công dân, tiếp xúc cử tri, họp báo, thông cáo báo chí, hoạt động của người phát ngôn của Ủy ban nhân dân phường theo quy định của pháp luật;

h) Thông báo đến tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội để tổ chức phổ biến, tuyên truyền đến hội viên, đoàn viên;

i) Thông qua mạng viễn thông, mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định, bảo đảm phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin phường, khu phố;

k) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy chế thực hiện dân chủ ở phường.

2. Thời điểm công khai: Đối với từng lĩnh vực được thực hiện theo quy định của pháp luật (nếu chưa có quy định thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định, văn bản của cơ quan có thẩm quyền về nội dung cần công khai, Ủy ban nhân dân phường phải tổ chức công khai).

3. Lựa chọn hình thức công khai

a) Ủy ban nhân dân có trách nhiệm đăng tải trên Trang thông tin điện tử của phường.

b) Ủy ban nhân dân có trách nhiệm niêm yết thông tin quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 12, Điều 3 tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, tại nhà văn hóa và các điểm sinh hoạt cộng đồng ở khu phố (thời gian: ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết) .

c) Thông tin quy định tại các khoản 7, 8, 9, 10, 11 và 12, Điều 3 được công khai trên hệ thống truyền thanh phường, thời hạn ít nhất 03 ngày liên tục.

d) Thông tin quy định tại khoản 3 được gửi đến Trưởng khu phố để thông báo đến Nhân dân.

đ) Cùng với việc thực hiện công khai thông tin bằng các hình thức quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này, Ủy ban nhân dân phường có thể quyết định lựa chọn thêm các hình thức công khai thông tin khác quy định tại khoản 1 phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, bảo đảm để Nhân dân tiếp cận thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời, thuận lợi.

e) Trường hợp pháp luật có quy định khác về hình thức, cách thức thực hiện công khai đối với nội dung thông tin cụ thể thì áp dụng theo quy định đó.

4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện công khai

a) Ủy ban nhân dân phường có kế hoạch thực hiện việc công khai thông tin (trong đó nêu rõ nội dung thông tin cần công khai, hình thức công khai, thời điểm, thời hạn công khai và trách nhiệm tổ chức thực hiện).

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường chịu trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức thực hiện kế hoạch đã được UBND phường thông qua; kiểm tra, đôn đốc và báo cáo Ủy ban nhân dân về kết quả thực hiện.

Trường hợp thông tin đã công khai có sự thay đổi, điều chỉnh thì nội dung thay đổi, điều chỉnh phải được kịp thời công khai theo quy định.

b) Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin .

c) Ủy ban nhân dân phường tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân phường về quá trình và kết quả thực hiện các nội dung công khai thông tin tại kỳ họp thường lệ gần nhất, đồng thời gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường để giám sát.

Mục 2

NHÂN DÂN BÀN VÀ QUYẾT ĐỊNH

Điều 5. Nội dung Nhân dân bàn và quyết định; đề xuất nội dung để Nhân dân bàn và quyết định

Nội dung Nhân dân bàn và quyết định; đề xuất nội dung để Nhân dân bàn và quyết định thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 16 Mục 2, Chương II, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể:

1. Nội dung Nhân dân bàn và quyết định

a) Chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng phạm vi của phường, khu phố do Nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí, tài sản, công sức.

b) Việc thu, chi, quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân tại cộng đồng dân cư (ngoài các khoản đã được quy định); việc thu, chi, quản lý các khoản kinh phí, tài sản do cộng đồng dân cư được giao quản lý hoặc được tiếp nhận từ các nguồn thu, tài trợ, ủng hộ hợp pháp khác.

c) Nội dung hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư.

d) Bầu, cho thôi làm Trưởng khu phố.

đ) Bầu, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

e) Các công việc tự quản khác trong nội bộ cộng đồng dân cư không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội.

2. Đề xuất nội dung để Nhân dân bàn và quyết định

a) Đối với các nội dung có phạm vi thực hiện trong địa bàn phường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường sau khi thống nhất với Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường quyết định nội dung, lựa chọn hình thức và chỉ đạo, hướng dẫn Trưởng khu phố tổ chức để Nhân dân bàn và quyết định.

b) Đối với các nội dung chỉ có phạm vi thực hiện trong khu phố, Trưởng khu phố sau khi thống nhất với Trưởng ban công tác Mặt trận đề xuất nội dung để người dân trong khu phố bàn và quyết định.

c) Công dân cư trú tại khu phố có sáng kiến đề xuất về nội dung Nhân dân bàn và quyết định (được ít nhất là 10% tổng số hộ gia đình) đồng thuận thì gửi đề xuất đến Trưởng khu phố để đưa ra để Nhân dân trong khu phố bàn và quyết định (nếu không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội).

(Nếu chưa đủ 10% tổng số hộ gia đình đồng thuận, nhưng xét thấy có thể mang lại lợi ích cho cộng đồng dân cư và được Ban công tác Mặt trận tán thành thì Trưởng khu phố đưa ra để dân cư bàn và quyết định. Việc thu thập ý kiến các hộ gia đình (thực hiện trực tiếp tại cuộc họp của dân cư/bằng văn bản hoặc hình

thức thể hiện ý kiến khác phù hợp với điều kiện thực tế tại khu dân cư, công dân có sáng kiến chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của số lượng và danh sách hộ gia đình đồng thuận); ý kiến đồng thuận có giá trị trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có ý kiến).

Điều 6. Hình thức Nhân dân bàn và quyết định

Hình thức Nhân dân bàn và quyết định thực hiện theo quy định tại Điều 17 Mục 2, Chương II, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, Trưởng khu phố tổ chức để Nhân dân ở khu phố bàn và quyết định bằng một trong các hình thức sau đây:

- a) Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư;
- b) Phát phiếu lấy ý kiến của từng hộ gia đình;
- c) Biểu quyết trực tuyến phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và được cộng đồng dân cư thống nhất lựa chọn.

2. Trường hợp pháp luật có quy định khác về việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định thì thực hiện theo quy định đó.

Điều 7. Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư

1. Cuộc họp dân cư do Trưởng khu phố triệu tập và chủ trì (trường hợp họp để bầu, cho thôi làm Trưởng khu phố thì thực hiện theo Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ). Trường hợp khuyết Trưởng khu phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường chỉ định đại diện Ban công tác Mặt trận ở khu phố hoặc triệu tập viên là công dân có uy tín cư trú tại khu phố để triệu tập và tổ chức cuộc họp. Thành phần: Trưởng khu phố, Ban công tác Mặt trận ở khu phố, đại diện các hộ gia đình.

2. Đại diện hộ gia đình (trường hợp hộ gia đình không có, thì đại diện hộ gia đình là người được các thành viên hộ gia đình thống nhất đề cử hoặc ủy nhiệm).

3. Trường hợp khu phố có từ 200 hộ gia đình trở lên hoặc có địa bàn dân cư sinh sống không tập trung thì có thể tổ chức các cuộc họp theo từng cụm dân cư.

Trưởng khu phố có thể ủy quyền cho thành viên Ban công tác Mặt trận ở khu phố hoặc một công dân có uy tín cư trú tại cụm dân cư chủ trì, điều hành cuộc họp và báo cáo kết quả với Trưởng khu phố để tổng hợp báo cáo.

4. Trình tự tổ chức cuộc họp dân cư

a) Người chủ trì cuộc họp tuyên bố lý do, nêu mục đích, yêu cầu, nội dung cuộc họp; giới thiệu người để cuộc họp biểu quyết cử làm thư ký;

b) Người chủ trì cuộc họp trình bày những nội dung đưa ra để xem xét, thảo luận tại cuộc họp;

c) Những người tham gia cuộc họp thảo luận;

d) Người chủ trì cuộc họp tổng hợp chung các ý kiến thảo luận tại cuộc họp; đề xuất các nội dung và phương án biểu quyết đối với các nội dung đã được thảo luận. Việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín do các thành viên tham dự cuộc họp quyết định. Trường hợp bỏ phiếu kín thì cuộc họp bầu ra Ban kiểm phiếu để thực hiện việc tổ chức bỏ phiếu kín;

đ) Người chủ trì cuộc họp công bố kết quả biểu quyết và kết luận cuộc họp.

Điều 8. Phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình

Phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình thực hiện theo quy định tại Điều 19 Mục 2, Chương II, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể:

1. Trưởng khu phố gửi phiếu biểu quyết đến hộ gia đình để lấy ý kiến biểu quyết:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường quyết định lựa chọn hình thức phát phiếu lấy ý kiến đối với nội dung có phạm vi thực hiện trong phường.

b) Đã tổ chức cuộc họp mà không đủ đại diện số hộ gia đình tham dự để có thể đạt tỷ lệ biểu quyết tán thành tối thiểu theo quy định.

c) Các trường hợp khác do Trưởng khu phố quyết định sau khi đã thống nhất với Ban công tác Mặt trận ở khu phố.

2. Trưởng khu phố phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận xây dựng kế hoạch tổ chức phát phiếu lấy ý kiến (mỗi hộ 01 phiếu).

Điều 9. Quyết định của cộng đồng dân cư

Quyết định của cộng đồng dân cư thực hiện theo quy định tại Điều 20, Mục 2, Chương II, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể:

1. Quyết định của cộng đồng dân cư được thể hiện bằng văn bản (nghị quyết, biên bản, bản ghi nhớ, bản thỏa thuận của khu dân cư). Trường hợp pháp luật không quy định cụ thể về hình thức văn bản thì Trưởng khu phố lựa chọn hình thức văn bản phù hợp với nội dung quyết định và phong tục, tập quán, điều kiện thực tế sau khi thống nhất với Trưởng ban công tác Mặt trận khu phố.

2. Nội dung Quyết định của cộng đồng dân cư

a) Thời gian cộng đồng dân cư bàn và quyết định;

b) Tổng số hộ gia đình thuộc cộng đồng dân cư; số người đại diện hộ gia đình có mặt; số hộ gia đình không có người đại diện tham dự;

c) Nội dung cộng đồng dân cư bàn;

d) Hình thức cộng đồng dân cư quyết định;

đ) Kết quả biểu quyết tại cuộc họp hoặc tổng hợp phiếu lấy ý kiến, kết quả biểu quyết trực tuyến của hộ gia đình;

e) Nội dung quyết định của cộng đồng dân cư;

g) Chữ ký của Trưởng khu phố, Trưởng ban công tác Mặt trận khu phố và 02 đại diện của các hộ gia đình.

3. Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức họp biểu quyết hoặc kết thúc thời hạn lấy ý kiến bằng phiếu, Trưởng khu phố có trách nhiệm gửi quyết định của cộng đồng dân cư đến Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường.

Điều 10. Hiệu lực của quyết định của cộng đồng dân cư

1. Quyết định về nội dung tại điểm a, b, khoản 1, Điều 5 được thông qua và phạm vi thực hiện trong địa bàn phường (khi có từ hai phần ba tổng số đại diện hộ gia đình trở lên trong khu phố tán thành).

- Quyết định về nội dung các điểm c, d, đ, e, khoản 1, Điều 5 (được thông qua khi có trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình tán thành).

2. Quyết định về nội dung các điểm a, b và e, khoản 1, Điều 5 có phạm vi thực hiện trong khu phố (có hiệu lực kể từ ngày được các hộ dân cư biểu quyết thông qua).

- Đối với quyết định về nội dung tại điểm a, b, khoản 1, Điều 5 có phạm vi thực hiện trong địa bàn phường (thời điểm có hiệu lực do Ủy ban nhân dân phường quyết định trên cơ sở tổng hợp kết quả biểu quyết của dân cư).

- Quyết định về nội dung tại điểm c, d, khoản 1, Điều 5 có hiệu lực kể từ ngày Ủy ban nhân dân phường ban hành quyết định công nhận.

- Quyết định về nội dung tại điểm đ, khoản 1, Điều 5 có hiệu lực kể từ ngày Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường ban hành quyết định công nhận.

(Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của dân cư, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường phải ban hành quyết định công nhận; trường hợp không công nhận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do).

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ quyết định dân cư

Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ quyết định dân cư thực hiện theo quy định tại Điều 22 Mục 2 Chương II Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể:

1. Quyết định của dân cư được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ khi thuộc một trong các trường hợp:

a) Có nội dung trái với quy định của pháp luật, không phù hợp với thuần

phong, mỹ tục, đạo đức xã hội.

b) Không tuân thủ quy định về trình tự, thủ tục thông qua văn bản theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và quy định khác có liên quan.

c) Cộng đồng dân cư thấy cần thiết phải sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ.

2. Ủy ban nhân dân phường quyết định bãi bỏ quyết định của dân cư đối với trường hợp quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này.

Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, Ủy ban nhân dân phường quyết định bãi bỏ hoặc đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế cho phù hợp (trường hợp quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này) và gửi đến Trưởng khu phố để thông báo đến Nhân dân, gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường.

3. Các hộ dân cư quyết định việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ quyết định khi xét thấy cần thiết theo đề nghị của Ủy ban nhân dân phường (trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 7, 8, 9 và 10 Quy chế này).

Điều 12. Trách nhiệm trong việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định và thực hiện quyết định của dân cư

Trách nhiệm trong việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định và thực hiện quyết định của dân cư thực hiện theo quy định tại Điều 23 Mục 2 Chương II Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể:

1. Ủy ban nhân dân phường có kế hoạch tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định các nội dung có phạm vi thực hiện trong phường; tổ chức thực hiện; kiểm tra, theo dõi; tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất, gửi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường để giám sát.

2. Trưởng khu phố công khai kết quả biểu quyết hoặc kết quả tổng hợp phiếu lấy ý kiến; tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả với Nhân dân, Ủy ban nhân dân phường. Tổ chức cuộc họp dân cư; phát phiếu lấy ý kiến hộ gia đình; việc biểu quyết trực tuyến; quy trình bầu, cho thôi làm Trưởng khu phố; việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường có trách nhiệm hướng dẫn, giám sát việc tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định và thực hiện các nội dung Nhân dân bàn, quyết định.

Điều 13. Trách nhiệm của Nhân dân trong việc tham gia bàn, quyết định các nội dung, công việc ở cơ sở

Trách nhiệm của Nhân dân trong việc tham gia bàn, quyết định các nội dung, công việc ở cơ sở thực hiện theo quy định tại Điều 24, Mục 2, Chương II, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể:

1. Công dân, hộ gia đình có trách nhiệm tham gia hoặc cử đại diện hộ gia đình tham gia họp thảo luận, quyết định nội dung phạm vi thực hiện trong khu phố trên địa bàn phường; thực hiện nghiêm các nội dung đã được quyết định.

2. Đại diện hộ gia đình có trách nhiệm tham dự các cuộc họp; tập hợp, nắm bắt ý kiến các hộ gia đình phản ánh, thảo luận hoặc ý kiến trên phiếu; phổ biến, truyền đạt lại kết quả bàn, thảo luận, quyết định. Trường hợp có ý kiến khác với ý kiến của đại diện hộ gia đình thì được dự họp để thể hiện ý kiến, quan điểm tại cuộc họp.

3. Đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách ở khu phố có trách nhiệm tích cực, gương mẫu tham gia bàn và quyết định các nội dung có phạm vi thực hiện trong khu phố và trên địa bàn phường; tuyên truyền, hướng dẫn, vận động thực hiện quyết định của dân cư.

4. Trường hợp quyết định của dân cư không bảo đảm trình tự, thủ tục hoặc có nội dung trái với quy định của pháp luật, không phù hợp với thuần phong, mỹ tục, đạo đức xã hội thì công dân có quyền kiến nghị, phản ánh đến Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và Ban Thanh tra nhân dân.

Mục 3

NHÂN DÂN THAM GIA Ý KIẾN

Điều 14. Những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định

Những nội dung Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định thực hiện theo quy định tại Điều 25, Mục 3, Chương II, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể:

1. Dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất; đề án định canh, định cư và phương án phát triển ngành, nghề của phường.

2. Dự thảo quy hoạch sử dụng đất và phương án điều chỉnh; việc quản lý, sử dụng quỹ đất được giao cho Ủy ban nhân dân phường quản lý.

3. Chủ trương, chính sách đầu tư, xây dựng, đất đai, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường, đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án di dân, tái định cư đối với việc quyết định đầu tư công dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A; dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường, có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống kinh tế - xã hội.

4. Dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, đặt tên, đổi tên đơn vị hành chính, đổi tên khu phố, ghép cụm dân cư.

5. Dự thảo quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân phường có liên quan

đến lợi ích cộng đồng, bao gồm quyết định ban hành hoặc phê duyệt chương trình, kế hoạch, dự án, đề án có nội dung tác động đến môi trường, sức khỏe của cộng đồng, trật tự, an toàn xã hội và những vấn đề khác có ảnh hưởng đến cộng đồng.

6. Dự thảo nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung xây dựng, dự thảo nhiệm vụ và đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng và quy hoạch chung xây dựng phường, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn.

7. Dự thảo quy chế về thực hiện dân chủ ở phường; dự thảo quy chế thực hiện dân chủ trong từng lĩnh vực, nội dung hoạt động cụ thể của phường (nếu có).

8. Dự thảo quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ hoặc làm chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của đối tượng thi hành là công dân trên địa bàn phường.

9. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật, quy chế thực hiện dân chủ ở phường theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Ủy ban nhân dân phường thấy cần lấy ý kiến.

Điều 15. Hình thức Nhân dân tham gia ý kiến

Hình thức Nhân dân tham gia ý kiến thực hiện theo quy định tại Điều 26, Mục 3, Chương II, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể:

1. Các hình thức lấy ý kiến Nhân dân

- a) Hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân phường với Nhân dân.
- b) Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư;
- c) Phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình;
- d) Thông qua hòm thư góp ý, đường dây nóng (nếu có);
- đ) Thông qua Ban công tác Mặt trận ở khu phố và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở;
- e) Thông qua Trang thông tin điện tử của phường;
- g) Thông qua mạng viễn thông, mạng xã hội hoạt động hợp pháp theo quy định, bảo đảm phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin tại phường và các khu phố;
- h) Tổ chức đối thoại, lấy ý kiến công dân đối với nội dung quy định tại khoản 8 Điều 14 của quy chế này.

2. Tùy nội dung, tính chất, yêu cầu của việc lấy ý kiến Nhân dân, khả năng, điều kiện đáp ứng thực tế của địa phương và phù hợp với quy chế thực hiện dân chủ ở phường, Ủy ban nhân dân phường quyết định hình thức quy định tại khoản 1 Điều này để lấy ý kiến Nhân dân. Trường hợp pháp luật có quy định áp dụng hình thức, cách thức cụ thể lấy ý kiến của Nhân dân về nội dung nhất định thì việc

tổ chức lấy ý kiến Nhân dân, tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến tham gia của Nhân dân thực hiện theo quy định đó.

Điều 16. Việc tổ chức đối thoại, lấy ý kiến công dân là đối tượng thi hành trong trường hợp Ủy ban nhân dân phường ban hành quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ hoặc làm chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của đối tượng thi hành

Việc tổ chức đối thoại, lấy ý kiến công dân là đối tượng thi hành trong trường hợp Ủy ban nhân dân phường ban hành quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ hoặc làm chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của đối tượng thi hành thực hiện theo quy định tại Điều 27, Mục 3, Chương II, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể:

1. Trước khi ban hành quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ hoặc làm chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của công dân là đối tượng thi hành, trừ quyết định hành chính có nội dung thuộc bí mật Nhà nước và quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân phường thông tin và tạo điều kiện để công dân được biết và trình bày ý kiến (có thể ủy quyền cho người đại diện trình bày ý kiến - nếu cần).

2. Trường hợp quyết định hành chính áp dụng đối với nhiều đối tượng hoặc khi xét thấy cần thiết, thì Ủy ban nhân dân phường có thể tổ chức cuộc họp đối thoại, lấy ý kiến trực tiếp của các công dân. Thành phần dự họp: đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đại diện Ban Thanh tra nhân dân và các công dân (là đối tượng thi hành quyết định hành chính).

3. Ý kiến của công dân, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải được tổng hợp đầy đủ; nội dung giải trình, tiếp thu ý kiến được gửi đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và được lưu cùng hồ sơ trình ký ban hành quyết định hành chính. Người có thẩm quyền ra quyết định và chịu trách nhiệm về việc ban hành quyết định hành chính của mình.

Điều 17. Trách nhiệm trong việc tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến

Trách nhiệm trong việc tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến thực hiện theo quy định tại Điều 28, Mục 3, Chương II, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể:

1. Ủy ban nhân dân phường có kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về các nội dung quy định tại khoản 1, Điều 5 về: Nội dung Nhân dân bàn và quyết định tại Quy chế này, trong đó xác định rõ nội dung lấy ý kiến, hình thức lấy ý kiến, cách thức, thời hạn triển khai và trách nhiệm tổ chức thực hiện. Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân phải được gửi đến Hội đồng nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường.

2. Ủy ban nhân dân phường phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp tổ chức thực hiện kế hoạch đã thông qua. Thời gian lấy ý kiến Nhân dân ít nhất là 20 ngày kể từ ngày công khai nội dung lấy ý kiến. Trường hợp pháp luật có quy định cụ thể thời hạn lấy ý kiến Nhân dân thì thực hiện theo quy định đó.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường chịu trách nhiệm chỉ đạo việc tiếp nhận, tổng hợp ý kiến, thông tin phản hồi của Nhân dân; nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến tham gia của Nhân dân về các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của phường để quyết định (hoặc báo cáo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường quyết định) và thực hiện công khai ý kiến của Nhân dân, nội dung giải trình, tiếp thu đến Nhân dân.

4. Đối với những nội dung do cơ quan có thẩm quyền giao cho chính quyền phường đưa ra lấy ý kiến Nhân dân thì Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm tổng hợp ý kiến và báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về kết quả lấy ý kiến Nhân dân trên địa bàn.

Cơ quan có thẩm quyền quyết định có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu ý kiến đóng góp của Nhân dân về những nội dung đã đưa ra lấy ý kiến; trường hợp quyết định có nội dung khác với ý kiến của đa số Nhân dân thì phải giải trình, nêu rõ lý do của việc không tiếp thu và chịu trách nhiệm về quyết định của mình (nội dung giải trình, tiếp thu ý kiến của Nhân dân phải được gửi đến Ủy ban nhân dân phường để thực hiện việc công khai thông tin đến Nhân dân).

5. Ủy ban nhân dân phường tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp về việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân và kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ gần nhất, đồng thời gửi đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp để giám sát.

6. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường phối hợp với Ủy ban nhân dân phường trong việc thực hiện kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân và tổ chức hội nghị đối thoại với Nhân dân trên địa bàn; trực tiếp hướng dẫn, thực hiện việc tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với những nội dung thuộc trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo quy định của pháp luật.

(Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường thực hiện giám sát việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch tổ chức lấy ý kiến Nhân dân trên địa bàn; việc tổ chức đối thoại, lấy ý kiến trong trường hợp Ủy ban nhân dân phường ban hành quyết định hành chính có nội dung xác lập nghĩa vụ hoặc làm chấm dứt, hạn chế quyền, lợi ích của đối tượng thi hành và quá trình, kết quả giải trình, tiếp thu và tổ chức thực hiện các nội dung Nhân dân tham gia ý kiến).

Điều 18. Trách nhiệm của Nhân dân trong việc tham gia ý kiến về các nội dung trên địa bàn phường

Trách nhiệm của Nhân dân trong việc tham gia ý kiến về các nội dung trên

địa bàn phường thực hiện theo quy định tại Điều 29, Mục 3, Chương II, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể:

1. Đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và công dân cư trú trên địa bàn có trách nhiệm tích cực tham gia ý kiến về những nội dung liên quan trực tiếp đến đời sống để làm cơ sở cho các cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương, đất nước.

2. Cá nhân, hộ gia đình có trách nhiệm tham gia hoặc cử đại diện hộ gia đình tham dự họp bàn, thảo luận, thể hiện ý kiến đối với các nội dung theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

3. Công dân theo dõi, đánh giá, giám sát việc tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của Nhân dân trên địa bàn đối với những nội dung đã được đưa ra lấy ý kiến và quá trình tổ chức thực hiện quyết định của cơ quan có thẩm quyền đối với các nội dung này.

Mục 4

NHÂN DÂN KIỂM TRA, GIÁM SÁT

Tiểu mục 1

NỘI DUNG, HÌNH THỨC KIỂM TRA, GIÁM SÁT

Điều 19. Nội dung kiểm tra, giám sát

Nội dung kiểm tra, giám sát thực hiện theo quy định tại Điều 30, Tiểu mục 1, Mục 4, Chương II Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể:

1. Công dân kiểm tra việc thực hiện các nội dung mà Nhân dân đã bàn và quyết định quy định tại Điều 5, Quy chế này.

2. Công dân giám sát việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở và việc thực hiện chính sách, pháp luật của chính quyền địa phương, cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách ở khu phố.

Điều 20. Hình thức kiểm tra, giám sát

Hình thức kiểm tra, giám sát thực hiện theo quy định tại Điều 31, Tiểu mục 1, Mục 4, Chương II, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể:

1. Công dân trực tiếp thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua:

a) Hoạt động lao động, sản xuất, học tập, công tác, sinh hoạt của công dân ở cộng đồng dân cư;

b) Quan sát, tìm hiểu, giao tiếp với cán bộ, công chức, viên chức phường, người hoạt động không chuyên trách ở khu phố và người dân ở cộng đồng dân cư;

c) Tiếp cận các thông tin được công khai; các thông tin, báo cáo của chính quyền địa phương, cán bộ, công chức, viên chức phường, người hoạt động không

chuyên trách ở khu phố, cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý hoặc thực hiện các nội dung Nhân dân đã bàn và quyết định;

d) Tham dự hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân phường với Nhân dân, hội nghị tiếp xúc cử tri, hoạt động tiếp công dân; hội nghị định kỳ và các cuộc họp khác của cộng đồng dân cư.

2. Công dân thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các tổ chức tự quản khác ở địa phương.

Điều 21. Hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân phường với Nhân dân

Hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân phường với Nhân dân thực hiện theo quy định tại Điều 32, Tiểu mục 1, Mục 4, Chương II, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể:

1. Hằng năm, Ủy ban nhân dân có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường tổ chức ít nhất một lần hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân trên địa bàn về tình hình hoạt động của Ủy ban nhân dân và những vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân ở địa phương theo Quyết định số 728-QĐ/TU ngày 12 tháng 9 năm 2014 của Tỉnh ủy (nay là Thành ủy) về quy chế đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu các cấp ủy Đảng, người đứng đầu chính quyền các cấp trong thành phố với Nhân dân.

2. Nội dung, cách thức tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân phường với Nhân dân thực hiện theo quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương và quy định khác có liên quan.

Điều 22. Hội nghị định kỳ dân cư

Hội nghị định kỳ dân cư thực hiện theo quy định tại Điều 33, Tiểu mục 1, Mục 4, Chương II Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể:

1. Hội nghị dân cư được tổ chức định kỳ mỗi năm một lần vào cuối năm.

2. Trưởng khu phố có trách nhiệm triệu tập, chủ trì hội nghị. Thành phần tham dự hội nghị là đại diện của toàn thể các hộ gia đình trong khu phố.

3. Tại hội nghị, Trưởng khu phố có trách nhiệm báo cáo với Nhân dân về tình hình của dân cư, kết quả thực hiện các nội dung đã được dân cư bàn và quyết định. Đại diện Ban công tác Mặt trận khu phố báo cáo, cung cấp thông tin về tình hình, kết quả thực hiện dân chủ ở khu phố và trên địa bàn phường. Thành viên Ban Thanh tra nhân dân được bầu tại khu phố báo cáo, cung cấp thông tin về việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, xem xét, xác minh theo kiến nghị của Nhân dân trên địa bàn.

4. Việc tổ chức hội nghị định kỳ dân cư (theo Chương II, Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở).

Điều 23. Xử lý kết quả kiểm tra, giám sát của Nhân dân

Xử lý kết quả kiểm tra, giám sát của Nhân dân thực hiện theo quy định tại Điều 34, Tiểu mục 1, Mục 4, Chương II, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể:

1. Thông qua việc kiểm tra, giám sát trực tiếp, Nhân dân đánh giá mức độ hài lòng đối với hoạt động của chính quyền địa phương, đối với cán bộ, công chức, viên chức phường trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính, giải quyết công việc của công dân.

2. Khi phát hiện hành vi, nội dung có dấu hiệu vi phạm, công dân có quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật hoặc kiến nghị, phản ánh đến chính quyền, cán bộ, công chức, viên chức phường, Trưởng khu phố, Tổ trưởng, Ban công tác Mặt trận khu phố, các tổ chức, đoàn thể mà mình là thành viên, hội viên, đến đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân hoặc phản ánh, đề nghị Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, tổ chức tự quản khác ở địa phương được thành lập theo quy định của pháp luật xem xét, thực hiện kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ.

3. Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thay mặt Nhân dân thực hiện kiểm tra, giám sát theo quy định tại Tiểu mục 2 và Tiểu mục 3 của mục này.

Điều 24. Trách nhiệm trong việc bảo đảm để Nhân dân thực hiện kiểm tra, giám sát

Trách nhiệm trong việc bảo đảm để Nhân dân thực hiện kiểm tra, giám sát thực hiện theo quy định tại Điều 35 Tiểu mục 1 Mục 4 Chương II Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể:

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 2, Điều 26 có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân theo thẩm quyền hoặc thực hiện việc kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm sau đây:

a) Tạo lập và bảo đảm vận hành ổn định, thường xuyên hệ thống đánh giá mức độ hài lòng của Nhân dân, tiếp nhận góp ý, kiến nghị, phản ánh để người dân có thể trực tiếp bày tỏ thái độ, sự đánh giá, nhận xét đối với hoạt động của chính quyền và cán bộ, công chức, viên chức thực hiện thủ tục hành chính, giải quyết công việc của công dân;

b) Xem xét, giải quyết, giải trình và trả lời kịp thời khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân, kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường hoặc báo cáo, chuyển thông tin đến cơ quan có thẩm quyền đối với những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết;

c) Phối hợp cùng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, căn cứ vào yêu cầu, đặc điểm và điều kiện thực tế địa phương, xây dựng và ban hành quy chế thực hiện dân chủ ở phường để quy định cụ thể hơn nội dung, cách thức thực hiện dân chủ trên địa bàn làm cơ sở để công dân kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Nội dung của quy chế thực hiện dân chủ có thể mở rộng hơn phạm vi thực hiện dân chủ nhưng không được trái hoặc hạn chế việc thực hiện các nội dung đã được quy định trong Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

d) Tạo điều kiện và bảo đảm để Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các tổ chức tự quản khác ở địa phương kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật;

e) Xử lý người có hành vi cản trở công dân thực hiện quyền kiểm tra, giám sát hoặc người có hành vi trả thù, trù dập người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định của pháp luật.

3. Công dân chịu trách nhiệm về nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của mình; chủ động, tích cực phối hợp với Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trong việc xác minh, kiểm tra, giám sát đối với các nội dung mà công dân đã kiến nghị, đề nghị.

Tiểu mục 2

BAN THANH TRA NHÂN DÂN

Điều 25. Tổ chức Ban Thanh tra nhân dân

1. Ban Thanh tra nhân dân được bầu tại cuộc họp dân cư; việc tổ chức cuộc họp (Thực hiện theo quy định tại Điều 3, Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường quyết định số lượng thành viên theo nguyên tắc bảo đảm mỗi khu phố có đại diện tham gia là thành viên Ban Thanh tra nhân dân và không ít hơn 05 người.

2. Nhiệm kỳ của Ban Thanh tra nhân dân theo nhiệm kỳ của Trưởng khu phố. Trong nhiệm kỳ, nếu thành viên Ban thanh tra nhân dân không hoàn thành nhiệm vụ, không còn được tín nhiệm hoặc xin thôi làm nhiệm vụ thì Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường đề nghị khu phố đã bầu thành viên đó xem xét, cho thôi làm nhiệm vụ.

Trường hợp khuyết thành viên trong nhiệm kỳ và thời gian còn lại của nhiệm kỳ là từ 06 tháng trở lên thì Ban công tác Mặt trận khu phố phối hợp với Trưởng khu phố tổ chức việc bầu bổ sung thành viên Ban Thanh tra nhân dân theo hướng dẫn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường.

3. Ban Thanh tra nhân dân phường có Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên; số lượng Phó Trưởng ban do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường quyết định căn cứ vào số lượng thành viên Ban Thanh tra nhân dân, nhưng không quá 02 người. Trưởng ban chịu trách nhiệm chung về hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân; Phó Trưởng ban có trách nhiệm giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ; các thành viên khác thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng ban.

Điều 26. Tiêu chuẩn thành viên Ban Thanh tra nhân dân

Tiêu chuẩn thành viên Ban Thanh tra nhân dân thực hiện theo quy định tại Điều 37, Tiểu mục 2, Mục 4, Chương II, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể:

1. Có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín trong cộng đồng dân cư, có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ; có hiểu biết về chính sách, pháp luật và tự nguyện tham gia Ban Thanh tra nhân dân.

2. Là công dân thường trú trên địa bàn và không đồng thời là cán bộ, công chức, viên chức phường, người hoạt động không chuyên trách ở khu phố.

Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thanh tra nhân dân

Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thanh tra nhân dân thực hiện theo quy định tại Điều 38, Tiểu mục 2, Mục 4, Chương II, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể:

1. Kiểm tra việc thực hiện các quyết định đã được Nhân dân bàn và quyết định; giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật, việc thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở của chính quyền địa phương, cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách ở khu phố.

2. Kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật và giám sát việc thực hiện kiến nghị đó.

3. Yêu cầu chính quyền địa phương, cán bộ, công chức, viên chức cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan để phục vụ việc xác minh, kiểm tra, giám sát.

4. Xem xét, xác minh vụ việc cụ thể theo kiến nghị của công dân.

5. Kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức Trưởng khu phố khắc phục hạn chế, thiếu sót được phát hiện qua việc kiểm tra, giám sát; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, công dân; biểu dương những đơn vị, cá nhân có thành tích. Trường hợp phát hiện người có hành vi vi

phạm pháp luật thì kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét, xử lý.

6. Tham dự các cuộc họp của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phường có nội dung liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Ban Thanh tra nhân dân.

7. Tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của công dân và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến phạm vi kiểm tra, giám sát của Ban Thanh tra nhân dân.

Điều 28. Hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân phường

Hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân phường thực hiện theo quy định tại Điều 39, Tiểu mục 2, Mục 4, Chương II, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể:

1. Ban Thanh tra nhân dân do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động.

2. Căn cứ vào chương trình hành động và sự chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, Ban Thanh tra nhân dân xây dựng phương hướng, nội dung kế hoạch hoạt động của mình theo từng quý, 06 tháng và hằng năm .

3. Ban Thanh tra nhân dân có trách nhiệm báo cáo định kỳ (hàng quý, 06 tháng năm, nhiệm kỳ) hoặc báo cáo khi có yêu cầu về hoạt động của mình với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường. Ban Thanh tra nhân dân được mời tham dự cuộc họp của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường có nội dung liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Ban Thanh tra nhân dân.

Điều 29. Trách nhiệm trong việc bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân

Trách nhiệm trong việc bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân thực hiện theo quy định tại Điều 40, Tiểu mục 2, Mục 4, Chương II, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể:

1. Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm sau đây:

a) Thông báo cho Ban Thanh tra nhân dân về những chính sách, pháp luật chủ yếu liên quan đến tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương; các mục tiêu và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của địa phương;

b) Cung cấp thông tin hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Ban Thanh tra nhân dân;

c) Xem xét, giải quyết kịp thời các kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân, thông báo kết quả giải quyết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kiến

ngợi;

d) Thông báo cho Ban Thanh tra nhân dân kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, việc thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn phường;

đ) Xử lý người có hành vi cản trở hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, người có hành vi trả thù, trù dập thành viên Ban Thanh tra nhân dân theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có trách nhiệm sau đây:

a) Hướng dẫn việc tổ chức hội nghị của cộng đồng dân cư ở khu phố để bầu hoặc cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân;

b) Công nhận kết quả bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân; tổ chức cuộc họp của Ban Thanh tra nhân dân để bầu Trưởng ban, Phó Trưởng ban và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; thông báo kết quả bầu và thành phần Ban Thanh tra nhân dân đến Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp và Nhân dân ở địa phương;

c) Hướng dẫn Ban Thanh tra nhân dân xây dựng chương trình, kế hoạch, nội dung công tác; xem xét báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và hướng dẫn, chỉ đạo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân; tham gia hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân khi xét thấy cần thiết;

d) Xác nhận biên bản, kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân; đơn đốc việc giải quyết kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân;

đ) Động viên Nhân dân ở địa phương ủng hộ, phối hợp, tích cực hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân;

e) Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Ban Thanh tra nhân dân. Kinh phí hỗ trợ cho hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân được sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước theo dự toán, kế hoạch hằng năm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, do ngân sách nhà nước bảo đảm.

Tiểu mục 3

BAN GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG

Điều 30. Tổ chức Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

Tổ chức Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện theo quy định tại Điều 41, Tiểu mục 3, Mục 4, Chương II, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể:

1. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường quyết định thành lập theo từng chương trình, dự án đầu tư công, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) triển khai trên địa bàn, chương trình, dự án đầu tư bằng vốn và công sức của cộng đồng dân cư hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho phường.

Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng: Ít nhất 05 thành viên, gồm 03 thành phần: Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; đại diện Ban Thanh tra nhân dân; đại diện người dân trên địa bàn khu phố nơi có chương trình, dự án (không quá 05 người) được bầu tại cuộc họp của cộng đồng dân cư. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

2. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có Trưởng ban, Phó Trưởng ban (không quá 2 người) và các Ủy viên. Trưởng ban chịu trách nhiệm chung về hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; Phó Trưởng ban có trách nhiệm giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ; các thành viên khác thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng ban.

Điều 31. Tiêu chuẩn thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

Tiêu chuẩn thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện theo quy định tại Điều 42, Tiểu mục 3, Mục 4, Chương II, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể:

1. Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, công tâm, có uy tín trong cộng đồng dân cư, có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ; có hiểu biết về chính sách, pháp luật hoặc kinh nghiệm, hiểu biết về các lĩnh vực có liên quan đến chương trình, dự án đầu tư và tự nguyện tham gia Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

2. Là công dân thường trú trên địa bàn và không đồng thời là cán bộ, công chức, viên chức phường; không có người thân là người có thẩm quyền quyết định đầu tư, chủ đầu tư hoặc đại diện chủ đầu tư, đơn vị tư vấn của chủ đầu tư, nhà thầu dự án hoặc đơn vị tư vấn, giám sát của nhà thầu, người trực tiếp quản lý dự án đầu tư trên địa bàn phường.

Điều 32. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện theo quy định tại Điều 43, Tiểu mục 3, Mục 4, Chương II Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể:

1. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có các nhiệm vụ:

a) Theo dõi, giám sát chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư với quy hoạch, kế hoạch đầu tư trên địa bàn; việc chủ đầu tư chấp hành các quy định về chỉ giới đất đai và sử dụng đất, quy hoạch mặt bằng chi tiết, phương án kiến trúc, xây dựng, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư, kế hoạch đầu tư; tình hình triển khai và tiến độ thực hiện các chương trình, dự án, việc thực hiện công khai thông tin trong quá trình đầu tư đối với các chương trình, dự án đầu tư công, dự án đầu tư từ nguồn vốn khác trên địa bàn phường.

b) Đối với các chương trình, dự án đầu tư bằng vốn và công sức của cộng

đồng dân cư, dự án sử dụng ngân sách hoặc bằng nguồn tài trợ trực tiếp của các tổ chức, cá nhân cho phường, thì thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung quy định tại điểm a, khoản này và kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy trình, quy phạm kỹ thuật, định mức và chủng loại vật tư theo quy định; theo dõi, kiểm tra kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình.

c) Phát hiện những việc làm tổn hại đến lợi ích của cộng đồng; những tác động tiêu cực của dự án đến môi trường sinh sống của cộng đồng trong quá trình thực hiện đầu tư và vận hành dự án; những việc gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản thuộc các chương trình, dự án đầu tư.

2. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có các quyền hạn:

a) Yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cung cấp các thông tin về quy hoạch có liên quan đến việc quyết định đầu tư dự án, kế hoạch sử dụng đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai.

b) Yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trả lời về các vấn đề thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

c) Yêu cầu chủ chương trình, chủ đầu tư trả lời, cung cấp các thông tin phục vụ việc giám sát đầu tư gồm quyết định đầu tư; thông tin về chủ đầu tư, ban quản lý dự án, địa chỉ liên hệ; tiến độ và kế hoạch đầu tư; diện tích chiếm đất và sử dụng đất; quy hoạch mặt bằng chi tiết và phương án kiến trúc; đền bù, giải phóng mặt bằng và phương án tái định cư; phương án xử lý chất thải và bảo vệ môi trường.

d) Tiếp nhận các thông tin do công dân phản ánh để gửi đến các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc tiến hành kiểm tra, giám sát theo phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Ban; tiếp nhận và thông tin cho công dân biết ý kiến trả lời của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về kiến nghị của công dân;

đ) Khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện dự án gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất, an ninh, văn hóa, xã hội, môi trường sinh sống của cộng đồng hoặc chủ đầu tư không thực hiện công khai thông tin về chương trình, dự án đầu tư theo quy định của pháp luật thì phản ánh đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và kiến nghị biện pháp xử lý; trường hợp cần thiết thì kiến nghị cấp có thẩm quyền đình chỉ thực hiện đầu tư, vận hành dự án.

Điều 33. Hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

Hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện theo quy định tại Điều 44, Tiểu mục 3, Mục 4, Chương II, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể:

1. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường trực tiếp chỉ đạo hoạt động.

2. Trên cơ sở hướng dẫn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát đầu tư của cộng đồng bám sát các nhiệm vụ và nội dung kiểm tra, giám sát (quy định tại Điều 53 của Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở).

3. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có trách nhiệm định kỳ báo cáo hoặc báo cáo khi có yêu cầu về kết quả Giám sát đầu tư của cộng đồng về kết quả giám sát các chương trình, dự án trên địa bàn. Trường ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được mời tham dự cuộc họp của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường có nội dung liên quan đến chương trình, dự án mà Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát.

Điều 34. Trách nhiệm trong việc bảo đảm hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng

Trách nhiệm trong việc bảo đảm hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện theo quy định tại Điều 45, Tiểu mục 3, Mục 4, Chương II, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, cụ thể:

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường có trách nhiệm:

a) Chủ trì việc thành lập Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng cho từng chương trình, dự án. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường quyết định số lượng thành viên; cử đại diện tham gia Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; dự kiến địa bàn và số thành viên được bầu theo từng địa bàn để chỉ đạo Ban công tác Mặt trận ở khu phố phối hợp cùng Trưởng khu phố tổ chức việc bầu thành viên là đại diện Nhân dân tham gia Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; công nhận kết quả bầu thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; tổ chức cuộc họp của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng để bầu Trưởng ban, Phó Trưởng ban và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên; cử, đề nghị cử hoặc tổ chức bầu bổ sung thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng trong trường hợp khuyết, thiếu.

b) Thông báo cho chủ chương trình, chủ đầu tư, ban quản lý chương trình, dự án về kế hoạch giám sát và thành phần Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng chậm nhất là 45 ngày trước ngày thực hiện; thông báo về thành phần Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng đến Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp và Nhân dân ở địa phương;

c) Hướng dẫn Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát chương trình, dự án đầu tư theo quy định của pháp luật; hỗ trợ Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng trong việc thông tin liên lạc, lập và gửi các báo cáo Giám sát đầu tư của cộng đồng;

d) Xác nhận văn bản kiến nghị, phản ánh của Ban Giám sát đầu tư của cộng

đồng trước khi gửi cơ quan có thẩm quyền; đơn đốc việc giải quyết kiến nghị của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng;

đ) Động viên nhân dân ở địa phương tích cực tham gia kiểm tra, giám sát tại cộng đồng và ủng hộ, hỗ trợ hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng;

e) Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; kinh phí sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước theo dự toán, kế hoạch hằng năm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, do ngân sách nhà nước bảo đảm.

2. Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm:

a) Bố trí địa điểm làm việc để Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng tổ chức các cuộc họp và lưu trữ tài liệu phục vụ hoạt động kiểm tra, giám sát.

b) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

c) Xem xét, giải quyết kịp thời các kiến nghị của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, thông báo kết quả giải quyết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị.

d) Xử lý người có hành vi cản trở hoạt động của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, người có hành vi trả thù, trù dập thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định của pháp luật.

3. Chủ chương trình, chủ đầu tư, ban quản lý chương trình, dự án có trách nhiệm sau

a) Cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời tài liệu liên quan đến việc triển khai thực hiện chương trình, dự án theo yêu cầu của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

b) Tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện việc kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

c) Tiếp thu ý kiến, kiến nghị kiểm tra, giám sát của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng và thông báo kết quả thực hiện đến Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 35. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân phường

1. Tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn phường.

2. Giữ mối liên hệ chặt chẽ với Nhân dân và cộng đồng dân cư trên địa bàn.

3. Xem xét, giải quyết và trả lời kịp thời các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân, kiến nghị của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phường.

4. Kịp thời báo cáo cơ quan nhà nước cấp trên về những vấn đề không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình.

5. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật thực hiện Dân chủ ở cơ sở.

Điều 36. Trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

1. Trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

a) Tổ chức vận động Nhân dân thực hiện dân chủ ở cơ sở, hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư; tổ chức các phong trào thi đua về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

b) Tham gia, hỗ trợ, hướng dẫn Nhân dân thực hiện dân chủ ở cơ sở.

c) Tiếp nhận, tổng hợp khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của Nhân dân về thực hiện dân chủ ở cơ sở để chuyển đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; giám sát quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của Nhân dân.

d) Thực hiện giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

2. Trách nhiệm của Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên CSHCM phường

a) Tổ chức Tuyên truyền, phổ biến, vận động nâng cao nhận thức của Nhân dân về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

b) Tham gia, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

c) Thực hiện giám sát, phản biện xã hội đối với việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, việc thực hiện dân chủ ở cơ sở của nhân dân.

d) Tiếp nhận, tổng hợp khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về thực hiện dân chủ ở cơ sở để chuyển đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền; theo dõi, giám sát quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của Nhân dân.

Điều 37. Điều khoản thi hành

1. Các trường hợp thực hiện dân chủ ở cơ sở chưa được quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.

2. Cán bộ, công chức, viên chức phường, Trưởng khu phố; các tổ chức, cá

nhân có trách nhiệm thực hiện quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề chưa rõ hoặc vướng mắc, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, Trưởng khu phố kịp thời báo cáo về Ủy ban nhân dân phường để xem xét, xử lý hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế theo quy định.

4. Giao Phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì, phối hợp với Văn phòng HĐND và UBND phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân phường tổ chức triển khai thực hiện Quy chế; theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định./.